

*Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm 1997;*

*Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm 1997;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cơ sở kinh doanh mặt hàng xe ôtô, xe hai bánh gắn máy ghi giá bán trên hóa đơn giao cho người tiêu dùng thấp hơn giá bán thực tế trên thị trường bị xử lý truy thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo giá bán quy định tại Điều 2 Quyết định này; đồng thời, bị xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Giá bán làm căn cứ tính truy thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở bảng giá tối thiểu xe ôtô, xe hai bánh gắn máy tính thu lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định (giá không bao gồm thuế giá trị tăng).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

### **QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 42/2002/QĐ-TTg ngày 19/3/2002 về quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Nhằm tăng cường và tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Chương trình mục tiêu quốc gia là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ về kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, môi trường, cơ chế, chính sách, tổ chức để thực hiện một hoặc một số mục tiêu đã được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước trong một thời gian nhất định.

Một chương trình mục tiêu quốc gia gồm nhiều dự án khác nhau để thực hiện các mục tiêu của chương trình. Đối tượng quản lý và kế hoạch hóa được xác định theo chương trình, việc đầu tư được thực hiện theo dự án.

**Điều 2.** Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia là một tập hợp các hoạt động để tiến hành một công việc nhất định nhằm đạt được một hay nhiều mục tiêu cụ thể đã được định rõ trong chương trình với nguồn lực và thời hạn thực hiện được xác định.

09641837

**Điều 3.** Tiêu chuẩn lựa chọn chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Các vấn đề được chọn để giải quyết bằng chương trình mục tiêu quốc gia phải là những vấn đề có tính cấp bách, liên ngành, liên vùng và có tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước, cần phải được tập trung nguồn lực và sự chỉ đạo của Chính phủ để giải quyết.

2. Mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia phải rõ ràng, lượng hóa được và phải nằm trong chiến lược chung của quốc gia.

3. Thời gian thực hiện chương trình phải được quy định giới hạn, thường là 5 năm, hoặc phân kỳ thực hiện cho từng giai đoạn 5 năm.

4. Các vấn đề xã hội mà Chính phủ Việt Nam cam kết với quốc tế thực hiện theo chương trình chung của thế giới hoặc khu vực.

**Điều 4.** Nội dung chương trình mục tiêu quốc gia:

1. Thực trạng tình hình của lĩnh vực thuộc chương trình mục tiêu quốc gia; những vấn đề cấp bách cần được giải quyết bằng chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Phạm vi, quy mô và mục tiêu chung của chương trình; các chỉ tiêu cơ bản phải đạt được trong từng khoảng thời gian cụ thể; các dự án của chương trình.

3. Tổng mức kinh phí của chương trình bao gồm cả kinh phí cho việc xử lý các vấn đề về khoa học, công nghệ (nếu có), mức kinh phí theo từng năm, phương thức huy động các nguồn vốn.

4. Cơ chế, chính sách thực hiện chương trình.

5. Yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực thực hiện chương trình.

6. Những vấn đề về khoa học, công nghệ cần xử lý (nếu có).

7. Hiệu quả kinh tế - xã hội chung của chương trình và của từng dự án.

8. Khả năng lồng ghép với các chương trình khác.

9. Kế hoạch, tiến độ tổ chức thực hiện chương trình, dự án.

10. Hợp tác quốc tế (nếu có).

11. Kế hoạch và thông số kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình.

**II. XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT,  
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC  
TIÊU QUỐC GIA**

**Điều 5.** Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ của chiến lược 10 năm, kế hoạch 5 năm, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương để xuất các vấn đề xã hội bức xúc cần được giải quyết bằng chương trình mục tiêu quốc gia.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương liên quan lựa chọn, lập danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia và dự kiến cơ quan quản lý chương trình, trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội thông qua danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia.

**Điều 6.** Cơ quan được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương liên quan tổ chức xây dựng nội dung chương trình và các dự án.

Việc xây dựng chương trình, dự án được tiến hành vào thời kỳ xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm.

**Điều 7.** Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan

trung ương, địa phương liên quan tổ chức thẩm định các chương trình mục tiêu quốc gia và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thời gian thẩm định các chương trình mục tiêu quốc gia không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Việc thẩm định, phê duyệt các dự án thuộc chương trình thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

**Điều 8.** Khi xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm, nếu các điều kiện cân đối hoặc mục tiêu chương trình có thay đổi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, trình Chính phủ điều chỉnh chương trình mục tiêu quốc gia theo các nội dung cụ thể sau:

1. Đánh giá phản ứng chương trình đã thực hiện.
2. Luận chứng về sự cần thiết và lý do điều chỉnh.
3. Nội dung điều chỉnh (bao gồm cả mục tiêu, nhiệm vụ và kinh phí của chương trình).
4. Ảnh hưởng của những điều chỉnh đó đối với mục tiêu cuối cùng của chương trình và hiệu quả của việc điều chỉnh.

#### **Điều 9.**

1. Bộ, ngành, cơ quan trung ương tham gia quản lý và thực hiện dự án của chương trình mục tiêu quốc gia và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hàng quý và hàng năm) tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (mục tiêu, nhiệm vụ, kinh phí, cơ chế, chính sách, v.v...); báo cáo giữa kỳ đối với chương trình mục tiêu quốc gia có thời hạn 5 năm; báo cáo tổng kết khi kết thúc chương trình mục tiêu quốc gia, theo mẫu biểu quy định.

Các báo cáo trên gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hàng quý và hàng năm) tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; báo cáo giữa kỳ đối với các chương trình mục tiêu quốc gia có thời hạn 5 năm; báo cáo tổng kết khi kết thúc chương trình mục tiêu quốc gia.

Các báo cáo trên gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (hàng quý và hàng năm), tình hình và kết quả thực hiện giữa kỳ và kết thúc các chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### **III. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

**Điều 10.** Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ, mục tiêu của các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề xuất mức cân đối ngân sách cho chương trình mục tiêu quốc gia để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung báo cáo Chính phủ xem xét, trình Quốc hội thông qua.

**Điều 11.** Căn cứ vào mức ngân sách được cấp có thẩm quyền thông báo cho từng chương trình, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia dự kiến phân bổ kinh phí của chương trình cho từng Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách của Bộ, ngành, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 12.** Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia được cân đối trong dự toán chi ngân sách trung ương do Bộ Tài chính cấp trực tiếp cho các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương để thực hiện

nhiệm vụ của chương trình do Trung ương quản lý và cấp bổ sung có mục tiêu cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện các nhiệm vụ của chương trình do địa phương quản lý.

Việc quản lý chi tiêu và quyết toán kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và các văn bản pháp quy liên quan khác của Chính phủ.

**Điều 13.** Để thực hiện các mục tiêu của chương trình, ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, cần huy động thêm vốn tín dụng trong và ngoài nước, huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng để thực hiện chương trình.

Đối với nguồn vốn huy động được từ nhân dân, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi thực hiện chương trình) được sử dụng vào các công việc thuộc nội dung chương trình, nhưng phải quản lý và thanh toán, quyết toán theo các quy định hiện hành.

#### IV. PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

**Điều 14.** Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ:

1. Làm đầu mối để giúp Chính phủ quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Căn cứ vào phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và 10 năm của Nhà nước và đề xuất của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương, chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính lựa chọn, lập danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia và dự kiến cơ quan quản lý chương trình, trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương liên

quan tổ chức thẩm định các chương trình mục tiêu quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính để xuất tổng mức kinh phí ngân sách phân bổ cho từng chương trình mục tiêu quốc gia cụ thể (bao gồm cả kinh phí sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển) trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội thông qua.

5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương xây dựng cơ chế về quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia trình Chính phủ ban hành.

6. Tham gia với các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trong xây dựng phân bổ kinh phí của chương trình theo nhiệm vụ và mục tiêu.

Tổng hợp nguồn kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được phân bổ theo các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vào kế hoạch chung của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương, để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

7. Thông tin cho các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các địa phương về định hướng xây dựng kế hoạch hàng năm của các chương trình mục tiêu quốc gia.

8. Phối hợp với các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các Bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương.

9. Tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (hàng quý và hàng năm), tình hình và kết quả thực hiện giữa kỳ và kết thúc các chương trình mục tiêu quốc gia, phát hiện các vướng mắc, tồn tại và đề xuất các biện pháp xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Tài chính.

**Điều 15.** Bộ Tài chính có nhiệm vụ:

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xuất tổng mức kinh phí phân bổ cho từng chương trình mục tiêu quốc gia cụ thể (bao gồm cả kinh phí sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển).
2. Cấp phát kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách trung ương hàng năm cho các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia do Trung ương quản lý.

Cấp bối sung kinh phí có mục tiêu cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo kế hoạch phân bổ kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia.

Kiểm tra và hướng dẫn các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện đúng các quy định về chế độ tài chính - kế toán hiện hành.

3. Tham gia với các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trong xây dựng phân bổ kinh phí của chương trình theo nhiệm vụ và mục tiêu.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương.

5. Duyệt và thông báo quyết toán kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia trong quyết toán ngân sách nhà nước do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương thực hiện.

Tổng hợp quyết toán chương trình do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 16.** Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia có nhiệm vụ:

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan tổ chức xây dựng nội dung

chương trình và các dự án thuộc chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Thành lập Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia để giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; giải thể Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia khi chương trình kết thúc.

Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia là một đồng chí lãnh đạo cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia. Các thành viên Ban Chủ nhiệm gồm đại diện có thẩm quyền của các bộ phận: kế hoạch, tài vụ và các bộ phận có liên quan.

Quy chế hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia do cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia quyết định.

Kinh phí hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Đối với những chương trình mục tiêu quốc gia có tầm quan trọng đặc biệt, Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia cần có thành viên thuộc các Bộ, ngành, cơ quan trung ương có liên quan.

Thành phần và Quy chế hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia này do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Hàng năm, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm lập kế hoạch về mục tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu kinh phí và đề xuất các giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Chính phủ.

Căn cứ tổng mức kinh phí của chương trình được cấp có thẩm quyền thông báo, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự

kiến phân bổ kinh phí của chương trình, cả về cơ cấu và mức kinh phí phân bổ cụ thể cho các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ đã được duyệt (trong trường hợp còn có ý kiến không thống nhất về cơ cấu và mức vốn cụ thể cho các đơn vị thực hiện thì ý kiến cơ quan quản lý chương trình là quyết định).

Văn bản phân bổ mục tiêu, nhiệm vụ và kinh phí của các chương trình được gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp vào ngân sách chung của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**5. Chịu trách nhiệm quyết toán phần kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia trực tiếp thực hiện.**

Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí của chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát.

**6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng quy chế, chính sách và hướng dẫn nghiệp vụ cho các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để có căn cứ thực hiện.**

**7. Chỉ đạo các cơ quan ngành dọc ở địa phương phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch hàng năm của chương trình mục tiêu quốc gia (mục tiêu, nhiệm vụ, kinh phí, biện pháp tổ chức thực hiện) để tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

**8. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch hàng năm của chương trình mục tiêu quốc gia (mục tiêu, nhiệm vụ, kinh phí, biện pháp tổ chức thực hiện); thực hiện đầy đủ nội dung và tiến độ báo cáo tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định chung.**

**9. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của các Bộ,**

ngành, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**10. Định kỳ (hàng quý, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc chương trình) tổng hợp tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.**

**Điều 17. Bộ, ngành, cơ quan trung ương tham gia quản lý và thực hiện dự án của chương trình mục tiêu quốc gia có nhiệm vụ:**

**1. Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của Bộ Tài chính, xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, đề xuất nguồn lực để thực hiện các dự án của chương trình mục tiêu quốc gia được phân công quản lý và thực hiện, gửi cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.**

**2. Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch hàng năm theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các dự án được phân công quản lý và thực hiện.**

**3. Chịu trách nhiệm quản lý và thanh toán, quyết toán phần kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia trực tiếp thực hiện theo quy định hiện hành về tài chính.**

Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí của chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát.

**4. Ngoài nguồn kinh phí đã được giao, được phép huy động các nguồn lực khác theo luật định để bổ sung cho việc thực hiện các dự án của chương trình mục tiêu quốc gia.**

Báo cáo mức bổ sung kinh phí (nếu có) cho cơ quan quản lý chương trình.

**5. Tổng hợp tình hình thực hiện dự án của chương trình mục tiêu quốc gia được phân công quản lý và thực hiện theo nội dung, biểu mẫu và thời gian quy định (hàng quý, hàng năm, giữa kỳ,**

kết thúc chương trình), báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

**Điều 18.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ:

1. Thống nhất quản lý nguồn lực, điều hành, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của địa phương để quản lý, lập kế hoạch, lồng ghép và tổ chức điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Trưởng ban Chỉ đạo là một đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thường trực Ban Chỉ đạo là lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, các thành viên là đại diện lãnh đạo các Sở, Ban, ngành liên quan.

Mỗi tỉnh, thành phố chỉ thành lập một Ban Chỉ đạo để điều hành chung tất cả các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo do ngân sách địa phương bảo đảm.

3. Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của Bộ Tài chính, chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở, Ban, ngành xây dựng kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn (mục tiêu, nhiệm vụ, để xuất nguồn lực, biện pháp tổ chức thực hiện, cơ chế chính sách) gửi cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

4. Tổ chức thẩm định và phê duyệt các dự án của các chương trình mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý theo quy định hiện hành.

5. Tổ chức lồng ghép và phối hợp các nguồn lực của các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án do địa phương quản lý để tránh chồng chéo, giảm bớt đầu mối và tập trung nguồn lực cho mục tiêu ưu tiên.

6. Ngoài nguồn kinh phí Trung ương đã giao, tổ chức huy động các nguồn lực của địa phương (bao gồm cả kinh phí, ngày công lao động và các yếu tố vật chất khác) để bổ sung cho việc thực hiện chương trình.

Báo cáo mức bổ sung kinh phí của từng chương trình (nếu có) cho cơ quan quản lý chương trình.

7. Giao chỉ tiêu kế hoạch về mục tiêu, nhiệm vụ và kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý trên địa bàn cho các chủ dự án và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện.

8. Chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn, thực hiện đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định về tài chính hiện hành.

9. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại cơ sở.

Kịp thời uốn nắn các sai sót trong việc thực hiện chương trình.

Xử lý nghiêm minh các trường hợp làm thất thoát kinh phí do vô trách nhiệm hoặc tham nhũng.

10. Tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo nội dung, biểu mẫu và thời gian quy định (hàng quý, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc chương trình), báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

**V. GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CÁC  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU  
QUỐC GIA**

**Điều 19.** Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các chỉ tiêu:

1. Tổng kinh phí của tất cả các chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó gồm có vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp;
2. Các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trên địa bàn.

**Điều 20.** Căn cứ vào tổng dự toán ngân sách và mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chủ động lồng ghép, bố trí mức kinh phí cho từng mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia, gửi kế hoạch kinh phí đã phân bổ (bao gồm cả kinh phí do Trung ương hỗ trợ và kinh phí địa phương tự huy động) và mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

Bộ Tài chính căn cứ vào kế hoạch kinh phí đã được phân bổ cho từng chương trình mục tiêu quốc gia của các địa phương để cấp phát và quyết toán.

**VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 21.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các Quyết định số 531/TTg ngày 08 tháng 8 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình quốc gia; số 05/1998/QĐ-TTg ngày 14 tháng 1

năm 1998 về quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2000 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 531/TTg ngày 08 tháng 8 năm 1996.

Các chương trình mục tiêu quốc gia được xác định tại Quyết định số 71/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo các quy định tại Quyết định này.

**Điều 22.** Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này.

**Điều 23.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

**CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ  
số 10/2002/CT-TTg ngày 19/3/2002  
về việc triển khai thực hiện Nghị  
quyết số 08/NQ-TW ngày 02/1/2002  
của Bộ Chính trị về một số nhiệm  
vụ trọng tâm công tác tư pháp  
trong thời gian tới.**

Ngày 02 tháng 1 năm 2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-TW về "Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Đây là Nghị quyết quan trọng, đề ra các chủ trương lớn, có tính đột phá nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách tư pháp; xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả phần thực